



## HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN 定期存款合約書

Người lập đơn (sau đây gọi khách hàng) dưới đây yêu cầu Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là "Ngân hàng") mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và đồng ý với các điều khoản của Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (sau đây gọi là Hợp đồng) với các nội dung như sau:

立合約書人（以下簡稱「客戶」）茲向兆豐國際商業銀行胡志明市分行（以下簡稱「銀行」）申請開立定期存款帳戶（以下簡稱「定期存款」），並同意「定期存款合約書」（以下簡稱「本合約書」）各項條款，內容如下：

ĐIỀU 1/ 第一條: THÔNG TIN khách hàng/客戶資料		
<input type="checkbox"/> CÔNG TY -TỔ CHỨC /非個人(包含公司及組織) Tên tài khoản/戶名: ..... ..... Số tài khoản /帳戶號碼: ..... Quốc gia /國家: ..... <input type="checkbox"/> Cư trú / 居民 <input type="checkbox"/> Không cư trú /非居民 1. SỐ ĐKKD/GPĐT/QĐTL: ..... 投資執照/營業登記證號碼 Ngày cấp/ 發行日期: ...../...../..... Ngày hết hạn/ 到期日期: ...../...../..... Nơi cấp/ 發行地點: ..... 2. Người đại diện pháp luật / 法定代表人: ..... 3. CMND /Hộ chiếu /身份證/護照號碼: ..... Ngày cấp/ 發行日期: ...../...../.....	<input type="checkbox"/> CÁ NHÂN/個人 Tên tài khoản/戶名: ..... ..... Số tài khoản /帳戶號碼: ..... Quốc gia /國家: ..... <input type="checkbox"/> Cư trú / 居民 <input type="checkbox"/> Không cư trú /非居民 1. CMND /Hộ chiếu /身份證/ 護照號碼: ..... Ngày cấp/ 發行日期: ...../...../..... 2. Visa / 簽證號碼: ..... Ngày cấp/ 發行日期: ...../...../..... Ngày hết hạn/ 到 期 日 期: ...../...../..... Nơi cấp /發行地點: ..... 3. Người đại diện pháp luật / 法定代理人: ..... CMND /Hộ chiếu /身份證/ 護照號碼: ..... Ngày cấp/ 發行日期: ...../...../.....	
ĐIỀU 2 /第二條 : NỘI DUNG TIỀN GỬI /定期存款內容		
Mục đích tiền gửi/存款目的		<input type="checkbox"/> Ký quỹ/設質 (請填寫相關設質文件) <input type="checkbox"/> Khác/其他
Loại tiền tệ/ 幣別:		<input type="checkbox"/> USD <input type="checkbox"/> VND
Phương thức tái tục/種類:		<input type="checkbox"/> Tái tục gốc/存本取息 <input type="checkbox"/> Tái tục gốc và lãi/整存整付
Ngày gửi tiền/開立日期: ...../...../.....	Kỳ hạn/期限:.....	Ngày đáo hạn/到期日期: ...../...../.....
Số tiền gửi bằng số/小寫額: .....		
Số tiền gửi bằng chữ/大寫金額:.....		
Lãi suất cố định/ năm 固定利率/年: .....%.		Tiền lãi/利息: .....
Cơ sở tính lãi: Theo thời gian thực gửi trên cơ sở 1 (một) năm có 365 ngày / 計息方式: 一年以 365 日為準		

Công thức tính lãi / 計息公式:

$$\text{Tiền lãi (利息)} = \frac{\text{Vốn gốc (本金)} \times \text{lãi suất \% năm (利率 \%年)} \times \text{kỳ hạn (ngày) (期限 (日))}{365}$$

**ĐIỀU 3 / 第三條: PHƯƠNG THỨC TRẢ LÃI / 付息的方式**

Phương thức trả lãi/付息的方式

Tái tục gốc và lãi/整存整付: Lãi cuối kỳ + gốc /利息+本金

Trả lãi hàng tháng/存本取息: Tiền lãi trả vào tài khoản thanh toán số/每月定期付利息. 利息直接匯入客戶號:.....

**ĐIỀU 4 / 第四條: GHI NỢ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN / 定期存款逕自帳戶扣款指示**

Tiền gửi có kỳ hạn được thực hiện bằng cách trích nợ trực tiếp từ tài khoản thanh toán, tài khoản số:.....

定期存款逕自活期帳戶扣款辦理, 帳號: .....

**ĐIỀU 5 / 第五條: CHỈ THỊ TÁI TỤC / 定期存款續存指示**

Không tái tục chuyển trả vào TK số / 不續存轉入原扣帳活期帳戶, 帳號: .....

Tái tục hợp đồng/ 自動轉期續存, 續約條件及利率如下:

A. Số tiền tái tục / 續存金額

Chỉ tái tục gốc/本金

- Lãi suất tái tục bằng lãi suất bên A công bố hoặc lãi suất thỏa thuận tại thời điểm tái tục/續約利率根據本行在續約時之公告利率

- Kỳ hạn tái tục bằng kỳ hạn cũ theo HD này / 期限根據本合約書期限

Tái tục gốc + lãi / 本金+利息

- Lãi suất tái tục bằng lãi suất bên A công bố hoặc lãi suất thỏa thuận tại thời điểm tái tục/續約利率根據本行在續約時之公告利率

- Kỳ hạn tái tục bằng kỳ hạn cũ theo HD này / 期限根據本合約書期限

B. Căn cứ Thông tư 49/2018/TT-NHNN, Tái tục phải phụ thuộc điều kiện sau, nếu không phù hợp các điều kiện sau, hợp đồng sẽ không còn hiệu lực.

根據 49/2018/TT-NHNN 公告, 客戶續存條件依下列規定辦理, 如客戶不符合續存規定者, 該續存約定無效:

**ĐỐI VỚI CÁ NHÂN / 個人**

(1) Giấy tờ xác minh thông tin của cá nhân là công dân Việt Nam là Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc Giấy khai sinh của cá nhân chưa đủ 14 tuổi.

越南公民個人身份證或公民身份證或護照之有效期限, 其中包含 14 歲以下個人的有效期限或出生證明。

(2) Giấy tờ xác minh thông tin của cá nhân là người cư trú và cá nhân nước ngoài là người không cư trú là thị thực hoặc các giấy tờ khác xác định thời hạn được phép cư trú của cá nhân tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp còn thời hạn hiệu lực

根據越南央行規定, 檢核居民和非居民外國人在越南之個人居留有效期限的簽證。

(3) Người không cư trú là Cá nhân người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 6 (sáu) tháng trở lên.

非居民之外國人在越南的居留證有效 6 個月期限以上

**ĐỐI VỚI CÔNG TY, TỔ CHỨC / 非個人**

Giấy tờ xác minh thông tin của tổ chức là Quyết định thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.

根據越央行規定檢核公司/組織證件是投資執照/營業登記證的有效日期。

**ĐIỀU 6 / 第六條: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TIỀN GỐC VÀ LÃI/ 定期存款到期終止**

1. Ngoài việc khách hàng đáp ứng các điều kiện tái tục tiền gửi có kỳ hạn và chọn phương thức tái tục tiền gửi có kỳ hạn, Ngân hàng sẽ tự động chuyển số tiền trong tài khoản tiền gửi có kỳ hạn vào tài khoản ghi

nợ gốc vào ngày đáo hạn của thời gian gửi. Nếu ngày đáo hạn là ngày lễ hoặc Tết, Ngân hàng sẽ tính vào ngày làm việc tiếp theo. Ngân hàng sẽ không có nghĩa vụ thông báo cho khách hàng.

除客戶符合定期存款續存條件並選擇定期存款續存之情形外，銀行於定期存款到期日，應依定期存款種類，將定期存款帳戶內金額自動轉入原扣帳活期帳戶。如到期日為例假日或春節時，銀行應於次一工作日入帳，銀行不負通知之義務。

2. Trừ trường hợp tái tục, Hợp đồng này sẽ tự động mất hiệu lực vào ngày đến hạn.  
除有定期存款續存之情形外，本合約書於到期日自動失效。

#### **ĐIỀU 7/ 第七條: PHƯƠNG THỨC TẮT TOÁN HỢP ĐỒNG TRƯỚC HẠN/定期存款提前終止**

1. Trong thời gian gửi tiền, nếu khách hàng yêu cầu chấm dứt Hợp đồng này ( chỉ được yêu cầu chấm dứt toàn bộ hợp đồng ), khách hàng sẽ điền đơn theo quy định của Ngân hàng.  
定期存款存續期間，客戶如要求終止本合約書，客戶應依銀行規定提出申請。
2. khách hàng nếu muốn tắt toán Hợp đồng trước ngày đến hạn, lãi suất áp dụng trong trường hợp tắt toán Hợp đồng trước hạn áp dụng như sau: tiền lãi được tính theo lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng đã niêm yết. Trong khoảng thời gian đáo hạn, nếu Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất thì vẫn áp dụng lãi suất điều chỉnh của Ngân hàng .  
客戶提前終止本合約書，定期存款適用利率如下：利息照銀行活期存款牌告利率計算。但存款到期日至實際解約日期，銀行活期存款牌告利率有調整者，應按照調整後之牌告利率計息。
3. Khách hàng không được chấm dứt một phần hợp đồng này trước hạn  
客戶不得提前部分終止本合約書。

#### **ĐIỀU 8 /第八條: SỬ DỤNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN LÀM TÀI SẢN BẢO ĐẢM./定存設質**

Tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng để làm tài sản đảm bảo theo hướng dẫn của Ngân hàng. Điều kiện ký quỹ phải theo thỏa thuận của 2 bên và qui định pháp luật.

客戶得用定存單設質予銀行，作為授信擔保品，設質條件由雙方另議定之。

#### **ĐIỀU 9/第九條: PHONG TỎA VÀ CƯỠNG CHẾ TÀI KHOẢN /圈存及強制扣押**

Trường hợp khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền phong tỏa tài khoản khách hàng, sau khi Chi nhánh xác minh tính xác thực, Chi nhánh sẽ thực hiện phong tỏa theo yêu cầu và chờ hướng dẫn tiếp theo; Nếu tài khoản khách hàng chưa đến ngày đáo hạn mà có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền phong tỏa tài khoản, thì tài khoản khách hàng được xem như hủy định kỳ trước hạn, Chi nhánh thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định pháp luật.

客戶之帳戶如依主管機關要求被保全執行，經本分行查證屬實後應配合辦理圈存，待其後續指示辦理；如客戶的本金在定期存款未到期前被強制執行，則視同提前解約，銀行將依法執行扣押帳戶等相關程序。

#### **ĐIỀU 10 /第十條: TRA CỨU TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN / 定期存款查詢**

Khách hàng cần tra cứu tiền gửi ,vui lòng đem theo Hợp đồng hoặc đăng ký tra cứu trên mạng.

客戶得持定存憑單透過臨櫃方式查詢或自行透過網路方式查詢。

#### **ĐIỀU 11 / 第十一條: TRƯỜNG HỢP MẤT, RÁCH CHỨNG NHẬN TIỀN GỬI /定存憑單掛失與毀損**

Nếu giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn bị mất hoặc rách nát, người gửi tiền hoặc đại diện pháp nhân sẽ đem giấy tờ chứng minh và con dấu (nếu con dấu bị mất, người gửi hoặc người đại diện hợp pháp sẽ tự xử lý) đến ngân hàng điền đơn thông báo việc mất giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn. Sau đó ngân hàng sẽ in một bản sao cho khách hàng.

Trước khi Ngân hàng chấp nhận đơn báo mất của khách hàng và hoàn tất thủ tục báo cáo tổn thất, Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm nếu khoản tiền gửi có kỳ hạn bị mạo danh .

定存憑單毀損遺失或滅失，應由客戶本人或法人之代表人持證件及原留印鑑（如印鑑遺失者，須客戶本人或法人代表人親自辦理）至銀行填妥申請書辦理掛失止付手續後，辦理補發程序。

在銀行尚未受理存戶掛失止付申請並完成掛失止付手續前，如有存款被冒領之情形者，銀行概不負責。

#### **ĐIỀU 12 /第十二條: NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC CHƯA NÊU TRÊN HỢP ĐỒNG/未盡事宜**

1. Các vấn đề không được nêu trong hợp đồng này được xử lý theo luật pháp và quy định có liên quan và các quy tắc hoạt động thông thường của ngân hàng.  
本合約書未盡事宜，悉依相關法令及銀行自訂之作業規定辦理。
2. Nếu khách hàng ký vào Hợp đồng này, nó sẽ được coi là đồng ý với các điều khoản của Hợp đồng và bản sao đã được nhận.  
客戶於本合約書上簽名者，視為同意本合約書各項條款，且已收執副本。

**ĐIỀU 13/第十三條: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ / 爭議處理方式**

- Khách hàng cam kết không sử dụng vốn vay nước ngoài để gửi định kỳ với thời hạn trên 1 tháng  
客戶承諾自國外借入之外債不得辦理逾 1 個月的定期存款。
- Trường hợp phát sinh tranh chấp trong hợp đồng này, hai bên cùng nhau thương lượng để giải quyết, nếu không sẽ đưa ra Tòa án thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam.  
如果本合同中出現爭議，雙方將協商解決，否則將根據越南法律提交胡志明市法院解決。
- Các điều khoản được lập thành bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Hoa. Trong trường hợp có tranh chấp, tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng. Bản chính do Ngân hàng lưu, khách hàng chỉ lưu bản photo. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.  
本合約書條款為越南文和中文的雙語版本，如有爭議，應以越文版本為解釋依據。本合約的正本由銀行留存，客戶收副本，本合約自簽字之日起生效。
- khách hàng xem xét các điều khoản trên và xác nhận đồng ý tuân thủ. Trong trường hợp nếu có sự biến động về tỷ giá hoặc Ngân hàng Nhà nước ngưng giao dịch loại Ngoại tệ đó thì Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về phần này.  
客戶就本存款具有匯率變動及國家停止兌換之可能風險已有認知，並願自負其責。客戶聲明已於合理期間內審閱 上列全部條款，並充分瞭解其內容且同意遵守後始簽章。

Ngân hàng Mega International Commercial Bank chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

兆豐國際商業銀行 胡志明市分行

khách hàng/立約定書人 (即客戶) 簽章:

CMND/身分證字號/統一編號:

Người đại diện pháp luật/法定代表人簽章:

Người giám hộ/法定代理人簽章:

Chủ tài khoản / 簽名	Dấu / 蓋章

(與印鑑卡「客戶簽章」留存之簽樣相符)

Ngày tháng năm

申請日期：西元 年 月 日

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO NGÂN HÀNG / 由銀行填寫		
Người lập 經辦	Kiểm soát 驗印	Phó Giám Đốc 副理 / 襄理